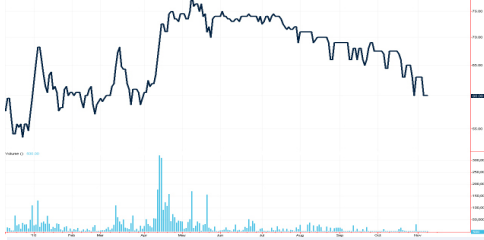


**Biểu đồ giá**

**Thông tin cổ phiếu vào ngày 8/11/2010**

Giá CP (đồng)	60,000
Số lượng niêm yết hiện tại	9,000,000
Số lượng CP đang lưu hành	9,000,000
Giá cao nhất trong 52 tuần	78,500
Giá thấp nhất trong 52 tuần	59,500
Thay đổi giá trong 3 tháng	-15.5%
Thay đổi giá trong 6 tháng	-18.4%
Thay đổi giá trong 12 tháng	na
Khối lượng giao dịch (cp)	49.0%
Giá trị giao dịch (triệu đồng)	18.126
GT vốn hóa t.t (triệu đồng)	540,000
GT vốn hóa t.t (triệu USD)	27.7
Số lượng được phép sở hữu	4,410,000
Số lượng còn được phép mua	3,077,030
% sở hữu nước ngoài	14.81%
% giới hạn sở hữu nước ngoài	49%

Nguồn: HSC

**Chỉ tiêu**

Đơn vị: triệu đồng	2008	2009
Tổng tài sản	183,055	296,048
Nguồn vốn CSH	101,589	197,992
Doanh thu	648,725	881,440
Lợi nhuận trước thuế	41,825	135,310
Lợi nhuận sau thuế	29,874	99,394

Chỉ số	2008	2009
<b>Khả năng thanh khoản</b>		
Hệ số thanh toán hiện thời	2.19	2.64
Hệ số thanh toán nhanh	1.14	1.90
<b>Khả năng sinh lời</b>		
Lợi nhuận biên gộp	17.78%	27.34%
Lợi nhuận biên sau thuế	4.60%	11.28%
ROE	34.47%	65.72%
ROA	17.82%	41.49%
<b>Hiệu quả hoạt động</b>		
Vòng quay khoản phải thu	13.49	16.30
Vòng quay hàng tồn kho	8.13	8.74
Vòng quay tổng tài sản	3.87	3.68
Vòng quay vốn CSH	7.49	5.83

Nguồn: LIX

**Chuyên viên phân tích - Võ Thị Ngọc Hân**  
(84 8) 3 8233299  
han.vtn@hsc.com.vn

**Mô hình dự báo lợi nhuận**

Đơn vị tính: triệu đồng	2007	%y/y	2008	%y/y
Tổng doanh thu	524,061	27%	651,199	24.3%
Doanh thu thuần	523,000	27%	648,725	24.0%
Lợi nhuận trước thuế	22,860	39%	41,825	83.0%
Lợi nhuận sau thuế	15,829	34%	29,874	88.7%
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế	4.4%		6.4%	
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế	3.0%		4.6%	
EPS (đồng)	4,397		4,149	
BVPS (đồng)	18,679		13,992	
ROAE	24.83%		34.47%	
PE	13.6		14.5	
PB	3.2		4.3	

Đơn vị tính: triệu đồng	2009	%y/y	2010F	%y/y
Tổng doanh thu	884,573	35.8%	952,952	7.7%
Doanh thu thuần	881,440	35.9%	946,704	7.4%
Lợi nhuận trước thuế	135,310	223.5%	95,287	-29.6%
Lợi nhuận sau thuế	99,394	232.7%	70,751	-28.8%
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế	15.4%		10.1%	
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế	11.3%		7.5%	
EPS (đồng)	11,044		7,861	
BVPS (đồng)	21,907			
ROAE	65.72%			
PE	5.4		7.6	
PB	2.7			

Nguồn: LIX; (F): HSC dự báo

**CTCP Bột giặt LIX (LIX - HoSE): KQKD Q3 và triển vọng năm 2010 và 2011**

- LIX đã công bố kết quả kinh doanh 9 tháng đầu năm không mấy ấn tượng với tổng doanh thu đạt 707 tỷ đồng, tăng 6% so với cùng kỳ năm trước và hoàn thành 76% kế hoạch năm trong khi lợi nhuận trước thuế chỉ đạt 71 tỷ đồng, giảm 36% và chỉ hoàn thành 71% kế hoạch năm.
- Giá nguyên liệu đầu vào tăng mạnh 20% và điều này đã không được bù đắp bởi mức tăng giá bán bình quân là 6.7% (so với đầu năm). Do mức độ cạnh tranh cao nên LIX khó nâng giá bán nếu các doanh nghiệp đầu ngành không điều chỉnh tăng.
- Cơ cấu doanh thu của công ty cũng thay đổi trong đó doanh thu từ các sản phẩm nhãn hàng riêng tăng nhanh trong khi doanh thu từ các sản phẩm mang chính thương hiệu LIX không tăng nhiều. Và tỷ suất lợi nhuận gộp của cả hai loại sản phẩm này là khá tương đương nhau.
- HSC dự báo tổng doanh thu cả năm sẽ vượt kế hoạch đề ra là 953 tỷ đồng, tăng 7.7%; tuy nhiên lợi nhuận trước thuế đạt 95.3 tỷ đồng, giảm 29.6% và thấp hơn so với dự báo của chúng tôi là 100 tỷ đồng. Theo đó, chúng tôi điều chỉnh giảm dự báo EPS dự phóng năm 2010 xuống 7,861đ (trong dự báo trước là 8,989đ); P/E dự phóng đạt 7.6 lần.
- Trong năm 2011, chúng tôi kỳ vọng LIX sẽ lấy lại đà tăng trưởng nhờ nhà máy sản xuất chất tẩy rửa lồng đi vào hoạt động từ tháng 7/2011. Các nhà đầu tư có thể đợi và mua vào cổ phiếu LIX khi giá giảm.

<i>Đơn vị tính: triệu đồng</i>	9 tháng năm 2009	9 tháng năm 2010	% thay đổi	% hoàn thành	Năm 2010 (HSC Dự báo)	Năm 2011 (HSC Dự báo)
Doanh thu	667,206	707,105	6.0%	76.03%	952,952	1,066,239
Doanh thu thuần	665,013	702,562	5.6%		946,704	1,059,248
Giá vốn hàng bán	475,211	565,629	19.0%		760,967	843,109
Lợi nhuận gộp	189,803	136,932	-27.9%		185,737	216,139
Doanh thu tài chính	6,396	13,073	104.4%		16,930	17,776
Chi phí tài chính	2,385	1,831	-23.2%		2,486	2,548
Thu nhập thuần từ hoạt động tài chính	4,011	11,242	180.3%		14,444	15,228
Chi phí bán hàng và quản lý DN	83,236	77,381	-7.0%		105,063	119,419
LN thuần từ hoạt động kinh doanh	110,578	70,793	-36.0%		95,118	111,949
Thu nhập khác	411	200	-51.2%		253	800
Chi phí khác	5	78	1590.5%		83	267
Lợi nhuận trước thuế	110,984	70,915	-36.1%	70.92%	95,287	112,482
Lợi nhuận ròng	82,657	53,186	-35.7%		70,751	83,518
Tỷ suất lợi nhuận gộp	28.5%	19.5%			19.6%	20.4%
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế	16.7%	10.1%			10.1%	10.6%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế	12.4%	7.6%			7.5%	7.9%
Số lượng trung bình CP lưu hành					9,000,000	9,000,000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành					9,000,000	9,000,000
Giá trị ngày 9/11/2010					60,000	60,000
Giá trị vốn hóa thị trường					540,000	540,000
EPS (VND)					7,861	9,280
PE (lần)					7.63	6.47

**Tóm lược kết quả kinh doanh 9 tháng đầu năm 2010:**

Trong 9 tháng đầu năm, LIX đã công bố tổng doanh thu đạt 707 tỷ đồng (tăng 6% so với cùng kỳ năm trước) và lợi nhuận trước thuế đạt 70.9 tỷ đồng (giảm 36%), lần lượt hoàn thành 76% và 71% kế hoạch năm. Lợi nhuận của công ty không tăng do giá nguyên liệu đầu vào tăng mạnh kể từ đầu năm 2010.

Doanh thu tăng chủ yếu nhờ giá bán bình quân tăng 6.7% so với cùng kỳ năm trước trong khi tổng sản lượng sản xuất giảm nhẹ từ 90,767 tấn đạt được trong 9 tháng đầu năm 2009 xuống 86,795 tấn trong 9 tháng đầu năm nay (tương đương giảm 4.4%).

Mặc dù doanh thu tăng nhẹ, thì cơ cấu doanh thu năm nay lại có sự thay đổi đáng kể với doanh thu từ nhãn hàng riêng tăng 86% so với cùng kỳ năm ngoái, đạt 58 tỷ đồng và chiếm 9.2% trong tổng doanh thu (cùng kỳ năm trước là 5%). Trong đó, doanh thu từ sản xuất bột giặt thương hiệu Metro Cash & Carry tăng mạnh 289%, Co-op Mart tăng 86% và Big C tăng 11%.

Trái lại, doanh thu từ sản phẩm mang thương hiệu LIX chỉ đạt 318 tỷ đồng, giảm 12.2% so với cùng kỳ năm

trước. Tổng doanh thu nội địa đạt 376 tỷ đồng, giảm 4.4%.

Tuy nhiên, doanh thu nội địa giảm đã được bù đắp từ doanh thu xuất khẩu tăng mạnh, đặc biệt từ thị trường Philippin và Nhật Bản. Sản lượng xuất khẩu tăng 9.8% so với năm trước; doanh thu xuất khẩu tăng 15.3%, đạt 212 tỷ đồng.

Trong 9 tháng đầu năm, giá vốn hàng bán đạt 566 tỷ đồng, tăng 19% so với cùng kỳ năm ngoái, cao hơn nhiều so với tốc độ tăng doanh thu. Giá nguyên liệu đầu vào bao gồm LAS, hương liệu, bao bì và chất phụ gia như soda&sunphonic đều tăng mạnh, bình quân tăng 20% so với đầu năm. Trong đó, giá LAS tăng 17.4% lên

Theo dòng sản phẩm	Sản lượng		Doanh thu	
	9 tháng năm 2010	% thay đổi	9 tháng năm 2010	% thay đổi
Bột giặt	31,211	2.7%	405,034	1%
Các loại CTR lồng	17,445	-2.2%	182,792	3%
Gia công cho Unilever	38,139	-10.3%	42,801	4%
Các hoạt động khác	na	na	71,935	54.1%
Doanh thu thuần	86,795	-4.4%	702,562	5.6%

Nguồn: LIX, HSC

Theo thị trường	Sản lượng		Doanh thu	
	9 tháng năm 2010	% thay đổi	9 tháng năm 2010	% thay đổi
Nội địa	31,110	-3.5%	375,849	-4.4%
Hàng theo nhãn hàng riêng	5,846	73.9%	57,825	85.7%
Hàng thương hiệu LIX	25,264	-12.6%	318,024	-12.2%
Hàng gia công cho Unilever	38,139	-10.3%	42,801	3.9%
Xuất khẩu	17,546	9.8%	211,977	15.3%
Các hoạt động khác	na	na	71,935	54.1%
Doanh thu thuần	86,795	-4.4%	702,562	5.6%

Nguồn: LIX, HSC

1,350USD/tấn vào cuối Q3. Bên cạnh đó, tỷ giá tăng 6% trong 9 tháng đầu năm.

Giá bán bình quân tính bằng VNĐ không theo kịp giá nguyên liệu đầu vào. Tuy nhiên, do tỷ suất lợi nhuận gộp của sản phẩm mang thương hiệu LIX và nhãn hàng riêng bằng nhau, do đó việc thay đổi cơ cấu doanh thu không ảnh hưởng xấu tới tỷ suất lợi nhuận. Do đó, chính giá cả nguyên liệu đầu vào tăng đã ảnh hưởng đến tỷ suất lợi nhuận và kết quả là trong 9 tháng đầu năm, lợi nhuận gộp chỉ đạt 137 tỷ đồng, giảm 28% so với cùng kỳ năm trước; tỷ suất lợi nhuận gộp đạt 19.5% so với mức 28.5% đạt được trong 9 tháng đầu năm ngoái.

Doanh thu từ hoạt động tài chính tăng 104% so với cùng kỳ năm trước, từ 6.4 tỷ đồng trong 9 tháng đầu năm 2009 lên 13 tỷ đồng trong 9 tháng đầu năm nay; chủ yếu do lãi suất gởi tiết kiệm và lợi nhuận từ việc bán ngoại tệ, lần lượt đạt 6.9 tỷ đồng (tăng 409%) và 5.1 tỷ đồng (tăng 2.8%). Chi phí tài chính đạt 1.8 tỷ đồng, giảm 23.2%.

Điều đáng chú ý là LIX đã không có nợ ngắn và dài hạn kể từ cuối Q1 đến nay.

Trong 9 tháng đầu năm 2010, chi phí bán hàng đạt 57.2 tỷ đồng (giảm 12% so với cùng kỳ năm trước) và chiếm 8% trong tổng doanh thu (cùng kỳ năm ngoái là 10%). Do chi phí bán hàng có liên hệ chặt chẽ với doanh thu từ sản phẩm mang thương hiệu LIX, nên khi doanh thu từ sản phẩm mang thương hiệu LIX giảm chi phí bán hàng sẽ giảm theo. Tuy nhiên, so với các công ty cùng

Chỉ tiêu quan trọng	9 tháng năm 2010	9 tháng năm 2009	% thay đổi
Doanh thu thuần	665,013	702,562	5.6%
Lợi nhuận gộp	189,803	136,932	-27.9%
Lợi nhuận trước thuế	110,984	70,915	-36.1%
Lợi nhuận sau thuế	82,657	53,186	-35.7%
Tỷ suất LN gộp	28.5%	19.5%	-31.7%
Tỷ suất LN trước thuế	16.7%	10.1%	-39.5%
Tỷ suất LN sau thuế	12.4%	7.6%	-39.1%

ngành, tỷ lệ chi phí bán hàng trên doanh thu của LIX đạt khá thấp; chẳng hạn, tỷ lệ chi phí bán hàng trên doanh thu của NET trong 9 tháng đầu năm 2010 là 9.3%. Tỷ lệ chi phí quản lý trên doanh thu giữ ở mức khoảng 3%, đạt 20 tỷ đồng (tăng 9%).

Theo đó, lợi nhuận trước thuế đạt 70.9 tỷ đồng, giảm mạnh 36% so với cùng kỳ năm trước và hoàn thành 71% kế hoạch năm; tỷ suất lợi nhuận trước thuế đạt 10.1%, giảm mạnh từ mức 16.7% trong cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận thuần đạt 53.2 tỷ đồng (giảm 36%), tỷ suất lợi nhuận thuần đạt 7.6% so với mức 12.4% trong cùng kỳ năm trước.

#### Triển vọng kết quả kinh doanh Q4 và cả năm 2010

Q4 thông thường là quý cao điểm của các công ty kinh doanh bột giặt và hiện tại, công ty đã trữ đủ nguyên liệu để đáp ứng cho hoạt động sản xuất trong Q4. Chúng tôi thấy rằng LIX không có kế hoạch thay đổi giá bán bình quân trong những tháng còn lại của năm.

Vì vậy, HSC ước tính doanh thu Q4 sẽ đạt 246 tỷ đồng, tăng 13.1% so với cùng kỳ năm trước; lợi nhuận trước thuế đạt khoảng 24.3 tỷ đồng, gần như không đổi so với mức 24.6 tỷ đồng đạt được trong cùng kỳ năm trước. Trong năm 2010, chúng tôi dự báo doanh thu đạt 953 tỷ đồng (tăng 7.7%), vượt kế hoạch 2.5%. HSC dự tính lợi nhuận gộp đạt 185 tỷ đồng (giảm 23%); tỷ suất lợi nhuận gộp đạt 19.6%. Theo cơ cấu sản phẩm, chúng tôi dự tính tỷ suất lợi nhuận gộp của bột giặt và chất tẩy rửa lỏng lần lượt đạt 22.6% và 20.8%. Chúng tôi dự báo lợi nhuận trước thuế năm 2010 sẽ thấp hơn 4.7% so với kế hoạch là 95.3 tỷ đồng và giảm mạnh 29.6% so với cùng kỳ năm trước. EPS năm 2010 dự tính đạt 7,861đ; P/E dự phóng đạt 7.6 lần.

Chi phí tài chính (triệu đồng)	9 tháng năm 2010	9 tháng năm 2009	% thay đổi
Lãi vay	47	38	24.3%
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1,784	2,347	-24.0%
Tổng cộng	1,831	2,385	-23.2%

Doanh thu HĐ Tài chính (triệu đồng)	9 tháng năm 2010	9 tháng năm 2009	% thay đổi
Lãi nhận được	6,881	1,352	409.0%
Lợi nhuận từ bán ngoại tệ	5,139	4,999	2.8%
Lãi chênh lệch tỷ giá	1,053	46	2211.5%
Tổng cộng	13,073	6,396	104.4%

### Triển vọng và dự báo cho năm 2011

Như chúng tôi đã đề cập trong báo cáo trước đây về LIX, nhà máy chất tẩy rửa lồng mới của công ty tại khu công nghiệp Đại Đăng đã được chính quyền địa phương cấp giấy phép xây dựng từ tháng 8/2010. Theo đó, hiện tại, LIX đang tìm nhà thầu để xây dựng nhà máy và công ty dự kiến nhà máy sẽ được xây dựng xong và đi vào hoạt động vào Q3/2011. Tổng vốn đầu cần cho dự án đã tăng từ 84 tỷ đồng lên 105 tỷ đồng; và LIX dự kiến sẽ chỉ sử dụng vốn tự có để tài trợ cho dự án nhà máy mới này. Trong đó, LIX đã chi 34 tỷ đồng để mua đất trong năm ngoái. Với khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền của công ty vào cuối Q3 là 108 tỷ đồng thì kế hoạch dùng vốn tự có để phát triển dự án theo chúng tôi là hợp lý.

Như vậy, từ năm 2011 trở đi, HSC cho rằng LIX có thể lấy lại đà tăng trưởng. Ngoài việc đạt được lợi thế kinh tế theo quy mô, công ty còn có diện tích kho để chứa hàng hóa và tạo điều kiện cho LIX dự trữ nguyên liệu thô trong trường hợp dự báo về sự biến động về giá cả.

HSC giả định sản lượng bột giặt sản xuất sẽ tăng 5%; chất tẩy rửa lồng tăng 15% nhờ nhà máy mới đi vào hoạt động. Tổng cộng, HSC dự báo tổng sản lượng sản xuất sẽ đạt 125,850 tấn (tăng 7.4%). Chúng tôi giả định giá bán bình quân sẽ tăng 4%; dự báo doanh thu thuần đạt 1,059 tỷ đồng, tăng 12%.

HSC dự báo lợi nhuận gộp năm 2011 của LIX đạt 216 tỷ đồng, tăng 16%; tỷ suất lợi nhuận gộp tăng nhẹ lên 20.4% (tỷ suất lợi nhuận gộp dự kiến năm 2010 là 19.6%) nhờ công ty đạt được lợi thế kinh tế theo quy mô và quản lý hàng tồn kho tốt hơn. Chúng tôi dự báo lợi nhuận trước thuế có thể đạt 112.5 tỷ đồng, tăng 18%; tỷ suất lợi nhuận trước thuế đạt 10.6%, tăng so với mức 10% dự kiến đạt được trong năm 2010. Trong mô hình của mình, chúng tôi giả định thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25.75%; theo đó, lợi nhuận thuần sẽ đạt 83.5 tỷ đồng, tăng 18%; tỷ suất lợi nhuận thuần đạt 8%. Chúng tôi dự báo EPS dự phóng năm 2011 sẽ đạt 9,280đ; theo đó P/E dự phóng năm 2011 đạt 6.5 lần.

# SƠ LƯỢC VỀ CÔNG TY

## BÁO CÁO CẬP NHẬT

Thứ hai, ngày 8 tháng 11 năm 2010

Báo cáo KQHĐKD năm (Đơn vị tính: triệu đồng)	2007	y/y%	2008	y/y%	2009	y/y%
Doanh thu thuần	523,000	26.54%	648,725	24.04%	881,440	35.9%
Giá vốn hàng bán	430,857	25.58%	533,378	23.79%	640,480	20.1%
Lợi nhuận gộp	92,144	31.23%	115,346	25.18%	240,960	108.9%
Thu nhập thuần từ hoạt động tài chính	1,988	13.27%	2,776	39.65%	10,283	270.4%
Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp	56,306	0.00%	77,280	37.25%	116,163	50.3%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	37,826	141.46%	40,843	7.98%	135,080	230.7%
Lợi nhuận từ các hoạt động khác	983	26.82%	983	-0.01%	230	-76.6%
Lợi nhuận trước thuế	22,860	39.05%	41,825	82.96%	135,310	223.5%
Lợi nhuận sau thuế	15,829	33.64%	29,874	88.73%	99,394	232.7%
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	15,829	33.64%	29,874	88.73%	99,394	232.7%

Nguồn: LIX

## Lịch sử hình thành và phát triển

- 1972** Tiền thân của công ty, Công ty Kỹ nghệ hóa phẩm Huân Huân được thành lập
- 1992** Công ty bột giặt Lix được thành lập
- 2003** Cổ phần hóa, chuyển thành Công ty cổ phần bột giặt Lix
- 2008** Tăng vốn điều lệ từ 36 lên 72 tỷ đồng
- 2009** Tăng vốn điều lệ từ 72 lên 90 tỷ đồng  
Niêm yết trên Hose

## Ngành nghề kinh doanh

Sản xuất và xuất khẩu sản phẩm về chất tẩy rửa tổng hợp và mỹ phẩm;  
Sản xuất và kinh doanh các loại hóa chất (trừ các hóa chất có tính độc hại mạnh), bao bì;  
Kinh doanh bất động sản.

## Sản phẩm, dịch vụ và thị trường

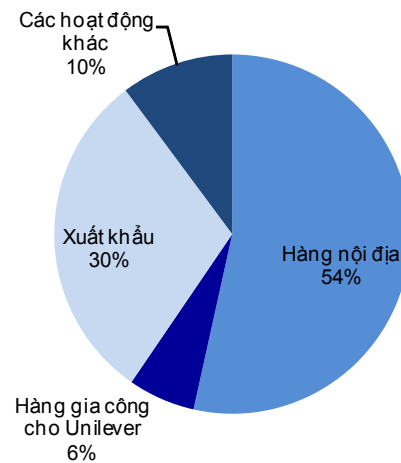
**Sản phẩm chủ lực:** Doanh thu của công ty (tính đến cuối quý 3 năm 2010) chủ yếu đạt được từ việc kinh doanh các mặt hàng do chính công ty tham gia sản xuất (90%). Sản phẩm bột giặt chính mang lại lợi nhuận cho LIX chính là LIX extra, LIX siêu sạch. Ngoài ra, công ty cũng có sản phẩm cao cấp hơn như LIX Compact chuyên dùng cho máy giặt. Thế mạnh về sản phẩm của công ty CP Bột giặt LIX là các sản phẩm Việt Nam chất lượng cao và giá rẻ. Thị trường chính của LIX là tập trung chủ yếu vào người tiêu dùng có mức thu nhập trung bình và thấp.

**Thị trường:** CTCP Bột giặt LIX là công ty sản xuất chất tẩy rửa nội địa hàng đầu tại Việt Nam hiện nay. Sản phẩm của công ty chủ yếu ở khu vực miền Tây Nam Bộ (chiếm hơn 50% doanh thu). Thị phần của LIX (tính đến cuối năm 2009) đạt 8% toàn thị trường chất tẩy rửa. LIX cũng là công ty đầu tiên xuất khẩu hàng sang thị trường Nhật (một thị trường khó tính) bên cạnh các thị trường ở Châu Á như: Philipin, Campuchia,...

## Chiến lược phát triển

Xây dựng mới nhà máy sản xuất chất tẩy rửa lồng tại Khu Công Nghiệp Đại Đăng, Bình Dương với tổng giá trị đầu tư là 105 tỷ đồng, công nghệ cao để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng.  
Liên tục cải tiến chất lượng cũng như là bao bì sản phẩm để đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng. Đẩy mạnh kênh bán hàng qua siêu thị để có thể gia tăng thị phần của mình trong tương lai.  
Giữ vững và mở rộng thị phần, giữ mức tăng trưởng ổn định qua các năm. Đẩy mạnh hơn nữa hoạt động xuất khẩu.

## Cơ cấu doanh thu 9 tháng đầu năm 2010



Nguồn - LIX

## Vị thế công ty trong ngành

Hiện nay, LIX đứng thứ 2 thị trường chỉ sau thị phần của Unilever, và vượt qua thị phần của P&G tại Việt Nam ở mặt hàng bột giặt. Thị trường chất tẩy rửa lồng (chủ yếu là nước rửa chén) thì đứng thứ 3 sau Unilever và Mỹ Hào.

Hoạt động Cty	Ngày GD không hưởng quyền	Tổng (đồng)	Năm tài chính
Chia cổ tức bằng tiền mặt	29/4/2010	3,000/cp	2009

Cơ cấu sở hữu vào 8/11/2010	Số lượng CP	%
Trong nước	7,667,030	85.19%
Nước ngoài	1,332,970	14.81%

## Thông tin liên hệ

Trụ sở:	Khu phố 4, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Tp.HCM
Điện thoại:	84 (8) 3896-4072
Fax:	84 (8) 3896-7522
Web site:	www.lixco.com
Vốn điều lệ tại thời điểm 30/9/2010	90,000,000,000 đồng

Xin vui lòng xem nội dung chi tiết về xung đột lợi ích và khuyến cáo cuối báo cáo này

**SWOT**

**Điểm mạnh**

- Hàng Việt Nam chất lượng cao. Giá cả phải chăng, phù hợp với người VN có mức thu nhập trung bình và thấp. Sản phẩm của LIX là sản phẩm nội địa đầu tiên xuất khẩu sang thị trường Nhật, một thị trường khó tính;
- Hệ thống phân phối rộng, trải đều trên cả nước cũng như các hệ thống siêu thị tại các thành phố lớn, thông qua Coop Mart, BigC, Metro, Vinatex, Lotte,...;
- Năng lực sản xuất cao, với công suất thiết kế nhà máy lên đến 175,000 tấn/năm và từ năm 2011, công suất của nhà máy chất tẩy rửa sẽ giúp cho tổng công suất tăng thêm 170%;
- Ban lãnh đạo có nhiều năm gắn bó với LIX, am hiểu về công ty và tận tâm với sự phát triển của công ty.

**Điểm yếu**

- Kết quả 9 tháng đầu năm mới hoàn thành được 71% kế hoạch lợi nhuận trước thuế của công ty vì giá cả nguyên vật liệu tăng cao và LIX chưa có biện pháp hiệu quả để giảm thiểu hoặc chuyển các rủi ro này cho nhà cung cấp;
- LIX gặp khó khăn trong vấn đề quảng bá hình ảnh của sản phẩm mình bởi ngân sách cho Marketing còn hạn hẹp. Trong khi đó, thị trường nội địa đã bị chiếm lĩnh phần lớn bởi Unilever với các nhãn hiệu OMO, Surf, Viso;
- Ban lãnh đạo tuy rất am hiểu về công ty, nhưng không thực sự năng động để có thể xúc tiến các hoạt động Marketing cũng như khá thận trọng trong việc đưa ra chiến lược phát triển trong tương lai.

**Cơ hội**

- Đời sống của người dân được cải thiện, nhu cầu tiêu dùng đối với hàng chất tẩy rửa được tăng cao, nhất là ở các vùng nông thôn;
- Sản phẩm LIX đã được người dân biết đến nhiều hơn trong thời gian gần đây, và đang có một sự thay đổi trong thói quen tiêu dùng từ hàng thương hiệu cao sang hàng Việt Nam chất lượng cao, giá vừa phải.

**Thách thức**

- LIX chịu khá nhiều rủi ro và thách thức từ những biến động giá đầu vào. Hầu hết những nguyên vật liệu đều phụ thuộc nhiều vào biến động của giá dầu thế giới;
- Kho chứa hàng cũng như là nguyên vật liệu đang bị hạn chế, do đó, công ty khó có thể trữ được nhiều nguyên liệu nếu giá nguyên vật liệu biến động tăng trong thời gian tới.

	<b>Tên - Chức vụ</b>	<b>Trình độ chuyên môn</b>
<b>Hội đồng quản trị</b>	<b>Lâm Văn Kiệt - Chủ tịch HĐQT</b>	<b>Kỹ sư Tự động hóa Công nghiệp</b>
	Nguyễn Thị Phương Liên - Phó Chủ tịch HĐQT	Cử nhân kinh tế
	Võ Thành Danh - Thành viên HĐQT	Kỹ sư Điện Công nghiệp
	Lê Thị Liên - Thành viên HĐQT	Cử nhân kinh tế
<b>Ban Kiểm soát</b>	Đoàn Thị Tám - Thành viên HĐQT	Cử nhân Tài chính Ngân hàng
	<b>Đào Quang Toàn - Trưởng Ban Kiểm soát</b>	<b>Cử nhân kinh tế</b>
	Nguyễn Ngọc Quang - Thành viên Ban Kiểm soát	Quản lý sản xuất
<b>Ban Giám đốc</b>	Nguyễn Thị Thúy Vân - Thành viên Ban Kiểm soát	
	<b>Lâm Văn Kiệt - Tổng Giám đốc</b>	<b>Kỹ sư Tự động hóa Công nghiệp</b>
	Võ Thành Danh - Phó Giám đốc	Kỹ sư Điện Công nghiệp

*Nguồn - LIX*

# CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

## BÁO CÁO CẬP NHẬT

Thứ hai, ngày 8 tháng 11 năm 2010

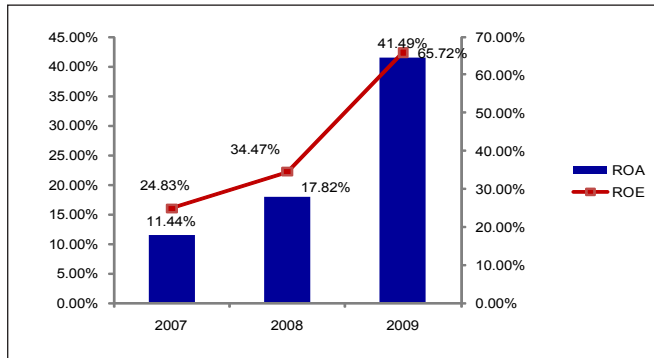
Đơn vị: triệu đồng

Bảng cân đối kế toán năm	2007	2008	2009
<b>Tài sản ngắn hạn</b>	125,716	162,957	246,017
Tiền & các khoản đương tiền	13,329	22,251	94,475
Đầu tư ngắn hạn	21,071	-	25,913
Các khoản phải thu	37,664	61,261	48,867
Hàng tồn kho	53,171	78,066	68,578
Tài sản ngắn hạn khác	480	1,379	8,184
<b>Tài sản dài hạn</b>	26,458	20,098	50,031
Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-
Tài sản cố định	25,663	19,432	12,632
Bất động sản đầu tư	-	-	-
Đầu tư dài hạn	-	-	-
Tài sản dài hạn khác	794	666	37,399
Lợi thế thương mại	-	-	-
<b>Tổng tài sản</b>	152,173	183,055	296,048
<b>Nợ phải trả</b>	82,492	79,418	97,229
Nợ ngắn hạn	76,206	74,379	93,299
Nợ dài hạn	6,286	5,039	3,930
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	69,681	103,638	198,819
Vốn chủ sở hữu	68,112	101,589	197,992
Nguồn vốn khác & Quỹ	1,569	2,048	827
<b>Lợi ích của cổ đông thiểu số</b>	-	-	-
<b>Tổng nguồn vốn</b>	152,173	183,055	296,048
<b>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</b>	2007	2008	2009
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-	(3,845)	98,199
Lưu chuyển tiền từ HĐ đầu tư	-	1,590	(24,915)
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-	(7,191)	(1,060)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	-	(9,447)	72,224
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	-	31,400	22,251
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	-	297	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	-	22,251	94,475
<b>Tốc độ tăng trưởng (%)</b>	2007	2008	2009
Tốc độ tăng trưởng doanh thu	26.54%	24.04%	35.87%
Tốc độ tăng trưởng LN trước thuế	39.05%	82.96%	223.51%
Tốc độ tăng trưởng lợi nhuận sau thuế	33.64%	88.73%	232.71%
<b>Kế hoạch kinh doanh năm 2010</b>			
Doanh thu (triệu đồng)			930,000
Tăng trưởng so với năm 2009 (%)			5.10%
Lợi nhuận trước thuế (triệu đồng)			100,000
Tăng trưởng so với năm 2009 (%)			-26.10%

Các chỉ tiêu liên quan đến định giá	8/11/2010		
	2007	2008	2009
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành			9,000,000
Thị giá			60,000
Vốn hóa thị trường (triệu đồng)			540,000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3,600,000	7,200,000	9,000,000
Số lượng CP đang lưu hành bình quân	3,600,000	7,200,000	9,000,000
EPS (đồng)	4,397	4,149	11,044
P/E	13.65	14.46	5.43
EV/EBITDA	21.43	11.51	3.76
BVPS (đồng)	18,679	13,992	21,907
P/B	3.21	4.29	2.74
Doanh thu/ 1 cp (đồng)	145,278	90,101	97,938
Giá/doanh thu	0.41	0.67	0.61
DPS (đồng)	2,000	2,000	3,000
Cổ tức/Giá	3.33%	3.33%	5.00%
Cổ tức/LN sau thuế	45%	48%	27%
<b>Hiệu quả hoạt động</b>	2007	2008	2009
Vòng quay các khoản phải thu	20.29	13.49	16.30
Vòng quay hàng tồn kho	9.12	8.13	8.74
Vòng quay các khoản phải trả	10.64	10.45	11.78
Vòng quay tổng tài sản	3.78	3.87	3.68
<b>Khả năng thanh khoản</b>	2007	2008	2009
Hệ số thanh toán hiện hành	1.65	2.19	2.64
Hệ số thanh toán nhanh	0.95	1.14	1.90
Hệ số thanh toán bằng tiền	0.45	0.30	1.29
<b>Khả năng sinh lời (%)</b>	2007	2008	2009
Lợi nhuận biên gộp	17.62%	17.78%	27.34%
Lợi nhuận biên trước thuế	4.37%	6.45%	15.35%
Lợi nhuận biên sau thuế	3.03%	4.60%	11.28%
ROA	11.44%	17.82%	41.49%
ROE	24.83%	34.47%	65.72%
<b>Phân tích Dupont</b>	2007	2008	2009
Lợi nhuận biên sau thuế	3.03%	4.60%	11.28%
Vòng quay tổng tài sản	3.78	3.87	3.68
Tổng tài sản/Vốn chủ sở hữu	2.17	1.93	1.58
ROE	24.83%	34.47%	65.72%
<b>Cơ cấu vốn</b>	2007	2008	2009
Nợ/Vốn chủ sở hữu	1.18	0.77	0.49
Nợ/Tổng tài sản	0.54	0.43	0.33

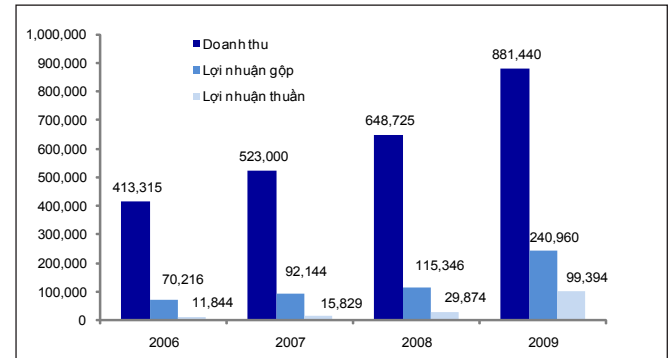
Nguồn - LIX, HSC

**ROA - ROE (%)**



Nguồn - LIX, HSC

**Doanh thu - Lợi nhuận (triệu đồng)**



Nguồn - LIX, HSC

Đơn vị tính: Triệu đồng

Bảng cân đối kế toán quý	Q1 2009	Q2 2009	Q3 2009	Q4 2009	Q1 2010	Q2 2010	Q3 2010
<b>Tài sản ngắn hạn</b>	-	-	253,157	246,017	259,003	262,553	265,375
Tiền & các khoản đương tiền	-	-	90,313	120,388	94,036	36,414	108,371
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-	-	25,913	62,813	-
Các khoản phải thu	-	-	100,124	48,867	62,696	68,068	57,585
Hàng tồn kho	-	-	60,612	68,578	72,298	87,288	89,435
Tài sản ngắn hạn khác	-	-	2,108	8,184	4,060	7,970	9,984
<b>Tài sản dài hạn</b>	-	-	14,452	50,031	48,645	48,674	47,716
Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-	-	-	-	-
Tài sản cố định	-	-	13,782	12,632	11,419	11,387	10,654
Bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-	-
Đầu tư dài hạn	-	-	-	-	-	-	-
Tài sản dài hạn khác	-	-	670	37,399	37,226	37,287	37,062
Lợi thế thương mại	-	-	-	-	-	-	-
<b>Tổng tài sản</b>	-	-	267,609	296,048	307,649	311,227	313,091
<b>Nợ phải trả</b>	-	-	86,055	97,229	89,984	102,148	91,677
Nợ ngắn hạn	-	-	81,988	93,299	86,481	98,612	88,065
Nợ dài hạn	-	-	4,066	3,930	3,503	3,536	3,612
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	-	-	181,554	198,819	217,665	209,079	221,413
Vốn chủ sở hữu	-	-	180,646	197,992	218,245	201,708	215,166
Nguồn vốn khác & Quỹ	-	-	908	827	(579)	7,371	6,247
<b>Lợi ích của cổ đông thiểu số</b>	-	-	-	-	-	-	-
<b>Tổng nguồn vốn</b>	-	-	267,609	296,048	307,649	311,227	313,090
<b>Báo cáo KQ hoạt động kinh doanh quý</b>	<b>Q1 2009</b>	<b>Q2 2009</b>	<b>Q3 2009</b>	<b>Q4 2009</b>	<b>Q1 2010</b>	<b>Q2 2010</b>	<b>Q3 2010</b>
Doanh thu thuần	200,065	245,081	219,867	216,427	233,798	240,066	228,697
Giá vốn hàng bán	140,598	170,213	164,400	165,269	183,104	193,453	189,073
Lợi nhuận gộp	59,468	74,868	55,467	51,157	50,695	46,613	39,625
Thu nhập thuần từ hoạt động tài chính	(55)	1,306	2,761	6,272	3,942	4,336	2,964
Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp	27,968	27,524	27,745	32,927	26,213	26,477	24,691
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	31,445	48,650	30,483	24,502	28,423	24,472	17,898
Lợi nhuận từ các hoạt động khác	230	5	171	111	(3)	80	45
Lợi nhuận trước thuế	31,675	48,655	30,654	24,613	28,420	24,552	17,943
Lợi nhuận sau thuế	23,756	35,910	22,990	18,303	21,315	18,414	13,457
LN sau thuế của cổ đông công ty mẹ	23,756	35,910	22,990	18,303	21,315	18,414	13,457



# Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi HSC hoặc một trong các chi nhánh để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài. Các thông tin trong báo cáo được HSC xem là đáng tin cậy và dựa trên các nguồn thông tin đã công bố ra công chúng được xem là đáng tin cậy. Tuy nhiên, ngoài những thông tin về chính Công ty, HSC không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin trong báo cáo này. Các ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Giá cả và các công cụ tài chính có thể thay đổi mà không báo trước. HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này.

Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Cán bộ của HSC có thể có các lợi ích tài chính đối với các chứng khoán và các công cụ tài chính có liên quan được đề cập trong báo cáo. Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu cung cấp những thông tin khái quát. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá chứng khoán luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Các công cụ tài chính được đề cập trong báo cáo có thể sẽ không phù hợp với tất cả nhà đầu tư. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình bằng cách tham khảo các nhà tư vấn tài chính độc lập nếu cần thiết và dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Xin vui lòng ghi rõ nguồn khi trích dẫn các thông tin trong báo cáo này.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH  
HO CHI MINH CITY SECURITIES CORPORATION

## TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 1, 2 & 3, Tòa nhà Capital Place  
6 Thái Văn Lung, Quận 1, TPCHM  
T : (+84 8) 3 823 3299  
F : (+84 8) 3 823 3301

## CHI NHÁNH HÀ NỘI

6 Lê Thánh Tông  
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội  
T : (+84 4) 3 933 4693  
F : (+84 4) 3 933 4822

E: [infor@hsc.com.vn](mailto:infor@hsc.com.vn) W: [www.hsc.com.vn](http://www.hsc.com.vn)